

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/LĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng  
lao động”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Trần Ngọc Phương – Cán bộ hưu trí.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 28/2024/TLST-LĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-LĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lý Thị D, sinh năm 1987; trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Lê Tấn D1, sinh năm 1990; thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình;

+ Ông Huỳnh Minh D2, sinh năm 2001; thường trú: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ liên hệ: Số A, đường số F, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/11/2023).

Ông D1 và ông D2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt

- **Bị đơn:** Công ty Liên doanh C (tên mới: Công ty Cổ phần C), trụ sở: Lô D, đường số C, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông **Byron S MC Laughlin**, sinh năm 1954; địa chỉ liên lạc: **Lô D, đường số C, KCN Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông **Lý Hoàng M**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Áp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội **thành phố T, tỉnh Bình Dương**; địa chỉ: **Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Lý Thị D** và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà **Lý Thị D** là vợ hợp pháp của ông **Sơn Pô L Thi** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 245, quyền số I do Ủy ban nhân dân xã **P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng** cấp ngày 18/11/2011. Ông **Sơn Pô Là T** đã chết ngày 27/8/2021 (Trích lục khai tử số 25/2022/TLKT ngày 16/02/2022).

Khi còn sống ông **Sơn Pô L T** có tham gia bảo hiểm xã hội (gọi tắt BHXH), bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 02/2006 đến tháng 11/2019 tại **Bảo hiểm xã hội T1, tỉnh Bình Dương, số BHXH số 910 6017426**. Sau khi ông **S1 Pô Là T** chết, bà **Lý Thị D** đã đại diện các đồng thừa kế làm hồ sơ hưởng chế độ tử tuất tại Bảo hiểm xã hội **thành phố T** thì được biết ông **S3** tham gia bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian từ tháng 12/2006 đến tháng 01/2007, thời gian này ông **S1 Pô Là T** còn một số BHXH khác là 9106215290.

Sau khi tìm hiểu nguyên đơn được biết người có tên **Lý Hoàng M** là người quen biết của ông **Sơn Pô L T** đã mượn thông tin và hồ sơ cá nhân là căn cước công dân của ông **S1 Pô Là T** để đi xin việc và ký hợp đồng lao động tại **Công ty Liên doanh C** và đóng gói **Thủy Hải S2** và có tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty này từ tháng 12/2006 đến tháng 01/2007. Toàn bộ hợp đồng lao động và thông tin tham gia của ông **M** tại **Công ty Liên doanh C** đều lấy tên và thông tin của ông **S1 Pô Là T** nên mới có sự việc trùng thời gian như trên.

Xét thấy, quan hệ lao động phải được giao kết trên nguyên tắc “trung thực” và Người lao động phải cung cấp thông tin cho Người sử dụng lao động một cách trung thực. Ông **Lý Hoàng M** đã không trung thực trong việc giao kết hợp đồng lao động với **Công ty Liên doanh C**. Việc ông **Lý Hoàng M** sử dụng thông tin cá nhân của ông **H** để giao kết Hợp đồng lao động dẫn đến việc quá trình đóng bảo hiểm xã hội của ông **S3** bị trùng 12/2006 đến tháng 01/2007, nay ông **S3** đã chết, người thừa kế của ông **Sơn Pô Là T** (do nguyên đơn đại diện) không thực hiện được các thủ tục hưởng các chế độ về Bảo hiểm xã hội theo quy định nên ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa ông **S1 Pô Là T** (do ông **Lý Hoàng M** là người ký) và **Công ty Liên doanh C** thời gian từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007 vô hiệu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**\* Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Liên doanh C (tên mới: Công ty Cổ phần C) trình bày:**

Công ty không thể có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thời gian đã quá lâu, quá thời hạn lưu trữ hồ sơ giấy theo quy định của pháp luật, các nhân viên hành chính nhân sự của công ty giai đoạn 2006 – 2007 cũng đã nghỉ từ lâu nên công ty không thể kiểm tra xác thực là ông Lý Hoàng M và Công ty Liên doanh C có ký kết hợp đồng lao động giai đoạn từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007 hay không. Tuy nhiên, nếu trên thực tế người lao động hay cơ quan quản lý lao động có thể cung cấp cho Tòa án một bản hợp đồng lao động gốc có chữ ký và con dấu của Công ty Liên doanh C mà đã được giám định, chứng thực là con dấu và chữ ký thật thì theo quy định của pháp luật hợp đồng đó có hiệu lực trong giai đoạn hiệu lực của hợp đồng được ghi tại hợp đồng đó, trừ khi người lao động có nộp đơn xin thôi việc hợp pháp tại công ty trong giai đoạn tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007 thì hợp đồng đó được xem như chấm dứt theo thỏa thuận của các bên. Công ty Liên doanh chế biến và đóng gói Thủy Hải S2 (tên mới: Công ty Cổ phần C) đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để dung hòa quyền lợi của các bên liên quan.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án, không có yêu cầu gì khác, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**\* Tại đơn trình bày ý kiến ngày 16/4/2024, các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Hoàng M trình bày:**

Ông Lý Hoàng M là mối quan hệ quen biết, là bạn cùng quê với ông S1 Pô Là T. Ông M xác định có giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Liên doanh C từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007, thời điểm này do ông M chưa đủ 18 tuổi, không được ký hợp đồng lao động nên đã mượn giấy Chứng minh nhân dân và các thông tin cá nhân của ông S1 Pô Là T để nộp hồ sơ xin việc vào Công ty Liên doanh chế biến và đóng gói Thủy Hải S2, sau đó công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho ông M theo quy định, được cấp sổ Bảo hiểm xã hội, toàn bộ hồ sơ lao động và tham gia bảo hiểm xã hội đều đứng tên ông Sơn Pô Là T. Ông M nhận thấy việc ông ký kết hợp đồng lao động với Công ty như trên là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sơn Pô L T đối với yêu cầu khởi kiện của ông S1 Pô Là T thì ông M thống nhất, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**\* Tại Công văn số 355/CV-BHXH ngày 13/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T1 xác định:** Công ty Liên doanh C có tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho ông S1 Pô Là T, sinh năm 1986, số chứng minh nhân dân 365739120 với mã số Bảo hiểm xã hội 9106215290 từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**\* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa người lao động có tên ông **Son Pô Là T** (do ông **Lý Hoàng M** là người ký kết) và **Công ty Liên doanh C** trong thời gian từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007 vô hiệu.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn **Công ty Liên doanh C** (tên mới: **Công ty Cổ phần C**) có trụ sở tại **Lô D, đường số C, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn; người đại diện hợp pháp bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quá trình tố tụng, các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa **Công ty Liên doanh C** và đóng gói **Thủy Hải S2** và ông **Son Pô Là T**. Tuy nhiên, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lý Hoàng M** thống nhất thừa nhận sự việc đã mượn thông tin cá nhân, giấy chứng minh nhân dân của ông **Son Pô L** Thi để ký kết hợp đồng lao động với **Công ty Liên doanh C**. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, tại Công văn số 355/CV-BHXH ngày 13/5/2024 của **Bảo hiểm xã hội thành phố T1** có thể hiện thông tin về việc tham gia bảo hiểm xã hội của ông **S1 Pô Là T** tại **Công ty Liên doanh C**, mã số BHXH 9106215290. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa **Công ty Liên doanh C** và đóng gói **Thủy Hải S2** và ông **Son Pô L** Thi có giao kết hợp đồng lao động.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự và thông tin cung cấp từ cơ quan bảo hiểm xã hội **thành phố T**, Hội đồng xét xử xét thấy ông **Lý Hoàng M** dùng nhân thân của ông **Son Pô L** Thi để ký kết hợp đồng lao động với **Công ty Liên doanh C** thời gian từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007, được công ty tham gia BHXH được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số số: 9106215290. Tuy nhiên, thực tế ông **Son Pô Là T** là việc tại **Công ty TNHH Q** (Việt Nam) đã tham gia bảo hiểm xã hội tại đây với mã số bảo hiểm xã hội 9106017426 từ tháng 02 năm 2006 đến tháng 08 năm 2019.

Do đó có cơ sở xác định: Việc ông **Lý Hoàng M** sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của ông **Son Pô L** Thi để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty Liên doanh C** là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 (Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019), vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật lao động 2012 (khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019). Do đó, theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật lao động 2012 (điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động tên **Son P Là T** (do ông **Lý Hoàng M** là người ký) và **Công ty Liên doanh C** thời gian từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007 vô hiệu toàn bộ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu gì khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với quyền lợi của ông **Lý Hoàng M** do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

- Các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lý Thị D** về việc Tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn **Công ty Liên doanh C** (tên mới: **Công ty Cổ phần C**).

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông **S1 Pô Là T** và **Công ty Liên doanh C** trong thời gian từ tháng 12 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007 vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông **Son Pô L** Thi theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà **Lý Thị D** tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004608 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Ánh**